

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
SAIGON GENERAL SERVICE
CORPORATION
(SAVICO)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số: 130.../CV-SVC
No: 130.../CV-SVC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06.. tháng 06 năm 2025
Ho Chi Minh city, day 06. month 06. year 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
To: Hochiminh Stock Exchange**

1. Tên tổ chức/Name of organization: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN/SAIGON GENERAL SERVICE CORPORATION**

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code: **SVC**

- Địa chỉ/Address: **220 Bis Nguyen Huu Canh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP.HCM/
220 Bis Nguyen Huu Canh, Ward 22, Binh Thanh District, HCMC.**

- Điện thoại liên hệ/Tel: **028.38 213913**

Fax: **028.38 213553**

- E-mail: **ir@savico.vn**

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Nghị quyết số 22/NQ-HĐQT-SVC ngày 06/06/2025 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn về việc ban hành toàn văn Điều lệ Công ty, sửa đổi bổ sung lần thứ 14/ Resolution No 22/NQ-HĐQT-SVC dated June 06th, 2025 of the Board of Directors of Saigon General Services Corporation on promulgation of the full text of the Company's Charter, amended for the 14th time.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 06/06/2025 tại đường dẫn <https://www.savico.com.vn> /This information was published on the company's website on June 06th, 2025 as in the link <https://www.savico.com.vn>



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố/ *Documents on disclosed information.*

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người được ủy quyền CBTT/ *Person authorized to disclose information*

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(*Signature, full name, position, and seal*)



Huỳnh Văn Trường



Số: 22/NQ-HĐQT-SVC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 06 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc ban hành toàn văn Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn,
sửa đổi bổ sung lần thứ 14

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (SAVICO) đã được sửa đổi lần 13 ngày 11/04/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/05/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị - Phiên họp lần III ngày 06/06/2025.

QUYẾT NGHỊ:

- Điều 1.** Ban hành toàn văn “Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn, sửa đổi bổ sung lần thứ 14” theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
- Điều 2.** Các Ông (Bà) thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các bộ phận chức năng SAVICO và các đơn vị thành viên trong hệ thống chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Các cổ đông;
- BKS;
- Lưu VT, BTK



Ngô Đức Vũ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN SAVICO

(Điều lệ sửa đổi lần thứ 14)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 06 năm 2025

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.	ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1.	Định nghĩa	5
CHƯƠNG II.	TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 2.	Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	6
CHƯƠNG III.	MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 3.	Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 4.	Phạm vi kinh doanh và hoạt động	11
CHƯƠNG IV.	VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	12
Điều 5.	Vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu, cổ đông sáng lập	12
Điều 6.	Chứng chỉ cổ phiếu	13
Điều 7.	Chuyển nhượng cổ phần	14
Điều 8.	Thu hồi cổ phần.....	15
CHƯƠNG V.	CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ	15
Điều 9.	Cơ cấu tổ chức, quản lý.....	15
CHƯƠNG VI.	CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	16
Điều 10.	Quyền hạn của Cổ đông	16
Điều 11.	Nghĩa vụ của Cổ đông.....	17
Điều 12.	Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 13.	Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 14.	Các đại diện được ủy quyền	22
Điều 15.	Thay đổi các quyền	23
Điều 16.	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 17.	Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 18.	Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	25

Điều 19.	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp.....	27
Điều 20.	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 21.	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	30
Điều 22.	Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	31
CHƯƠNG VII.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	31
Điều 23.	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 24.	Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	34
Điều 25.	Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	36
Điều 26.	Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	37
CHƯƠNG VIII.	TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	43
Điều 27.	Tổ chức bộ máy quản lý	43
Điều 28.	Cán bộ quản lý	43
Điều 29.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, trách nhiệm và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	44
Điều 30.	Người phụ trách quản trị Công ty	45
CHƯƠNG IX.	TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	46
Điều 31.	Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý.....	46
Điều 32.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	46
Điều 33.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	47
Điều 34.	Thành viên Ban kiểm soát.....	49
Điều 35.	Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	51
CHƯƠNG X.	QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	53
Điều 36.	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	53
CHƯƠNG XI.	CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	54
Điều 37.	Công nhân viên và các tổ chức Đảng, đoàn thể	54
CHƯƠNG XII.	PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	54
Điều 38.	Cổ tức	54
CHƯƠNG XIII.	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	55

Điều 39.	Tài khoản ngân hàng	55
Điều 40.	Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ.....	55
Điều 41.	Năm tài chính	55
Điều 42.	Hệ thống kế toán	55
CHƯƠNG XIV.	BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	56
Điều 43.	Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	56
Điều 44.	Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	56
CHƯƠNG XV.	KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	57
Điều 45.	Kiểm toán	57
CHƯƠNG XVI.	CON DẤU	57
Điều 46.	Con dấu	57
CHƯƠNG XVII.	CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	58
Điều 47.	Chấm dứt hoạt động	58
Điều 48.	Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ đông ..	58
Điều 49.	Thanh lý	58
CHƯƠNG XVIII.	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	59
Điều 50.	Giải quyết tranh chấp nội bộ	59
CHƯƠNG XIX.	BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	59
Điều 51.	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	59
CHƯƠNG XX.	NGÀY HIỆU LỰC	60
Điều 52.	Ngày hiệu lực	60

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (dưới đây gọi là “**Công ty**”) là cơ sở pháp lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty. Mọi hoạt động của Công ty đều phải tuân theo đúng những quy định của Pháp luật hiện hành và Điều lệ này.

Điều lệ này được thông qua lần đầu hợp lệ tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2004 tổ chức vào ngày 08 tháng 10 năm 2004, sửa đổi lần thứ 14 ngày 06 tháng 06 năm 2025.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

- 1.1 Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - 1.1.1 “Công ty” có nghĩa là Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn.
 - 1.1.2 “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
 - 1.1.3 “Luật Chứng khoán” có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
 - 1.1.4 “Vốn điều lệ” có nghĩa là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.
 - 1.1.5 “Cổ phần có quyền biểu quyết” là cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - 1.1.6 “Ngày thành lập” có nghĩa là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.
 - 1.1.7 “Địa bàn kinh doanh” có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và lãnh thổ ngoài Việt Nam.
 - 1.1.8 “Cán bộ quản lý” là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty.
 - 1.1.9 “Người quản lý Công ty” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty.
 - 1.1.10 “Những người có liên quan” là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
 - 1.1.11 “Cổ đông” là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần Công ty.

- 1.1.12 “Thời hạn hoạt động” là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Khoản 2.6 Điều 2 của Điều lệ này.
- 1.1.13 “Việt Nam” là nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- 1.2 Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
- 1.3 Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
- 1.4 Khi được sử dụng trong Điều lệ này, tùy từng ngữ cảnh, từ “người” được hiểu là cá nhân, các cá nhân và/hoặc tổ chức.
- 1.5 Trừ khi được quy định rõ ràng khác đi trong Điều lệ này, các từ hoặc thuật ngữ được dùng trong Điều lệ này sẽ có nghĩa như được quy định trong Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

2.1 Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN**
- Tên tiếng Anh: **SAIGON GENERAL SERVICE CORPORATION**
- Tên viết tắt và giao dịch: **SAVICO**
- Logo Công ty:



2.2 Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

2.3 Trụ sở chính của Công ty:

Địa chỉ: 220 Bis Nguyễn Hữu Cánh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84.28) 3821 3913 Fax: (84.28) 3821 3553

Email: ir@savico.vn

Website: www.savico.com.vn

2.4 Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2.5 Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại Địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.

Trụ sở Công ty và chi nhánh có thể di dời đi nơi khác theo yêu cầu hoạt động phát triển kinh doanh của Công ty. Việc di dời này sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và trong phạm vi pháp luật cho phép.

- 2.6 Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 2.7 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ tính bắt đầu từ Ngày thành lập và là vô thời hạn.
- 2.7 Công ty có thể chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 47 và Điều 48 của Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

- 3.1 **Mục tiêu hoạt động của Công ty:** Không ngừng phát triển các hoạt động thương mại, dịch vụ và đầu tư trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật nhằm tối đa hóa lợi nhuận, gia tăng lợi tức cho các Cổ đông, nâng cao giá trị Công ty, tích lũy tái đầu tư để phát triển, góp phần giải quyết việc làm và đảm bảo đời sống của người lao động, nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội và đóng góp tích cực cho ngân sách Nhà nước.
- 3.2 **Lĩnh vực hoạt động của Công ty:** Công ty tiến hành hoạt động trên các lĩnh vực
- 3.2.1 **Hệ thống dịch vụ - thương mại:** Hình thành chuỗi thương mại, dịch vụ như siêu thị, trung tâm thương mại, hệ thống dịch vụ kỹ thuật ô tô và xe máy, hệ thống bán hàng tự động, viễn thông, ...
- 3.2.2 **Đầu tư vào các dự án bất động sản:**
- Các dự án văn phòng và nhà ở;
 - Trung tâm thương mại, siêu thị, ...;
 - Khu du lịch, khu vui chơi giải trí, khu nghỉ dưỡng, khách sạn, nhà hàng;
 - Các dự án bến bãi, cảng, khu công nghiệp, khu chế xuất;
 - Và các lĩnh vực khác mà pháp luật không hạn chế.
- 3.2.3 **Đầu tư tài chính:**
- Đầu tư vào các định chế tài chính: ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm, công ty cho thuê tài chính, công ty quản lý quỹ,...;
 - Đầu tư tài chính dài hạn vào các doanh nghiệp khác phù hợp với chiến lược Công ty nhằm gia tăng lợi thế cạnh tranh của Công ty;
 - Đầu tư tài chính ngắn hạn.
- 3.3 **Ngành nghề kinh doanh:**

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Cho thuê kho bãi	5210
2	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế và nội địa	7912
3	Bưu chính Chi tiết: Dịch vụ bưu chính viễn thông	5310
4	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở), khu du lịch nghỉ dưỡng	5510
5	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất	4663
6	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, tiểu thủ công nghiệp, giấy, da, nhựa và các sản phẩm từ giấy, da, nhựa, công nghệ phẩm, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh) nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất, văn hóa, xã hội và tiêu dùng, trang thiết bị dụng cụ y tế, hàng tiêu dùng phục vụ sản xuất kinh doanh, máy ảnh các loại, linh kiện phụ tùng và sản phẩm ngành ảnh, nữ trang, vàng bạc đá quý, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm (không tồn trữ hóa chất)	4690
7	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng	5610
8	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Sửa chữa nhà, trang trí nội thất	4330
9	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Mua bán xe ô tô các loại	4511
10	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Sửa chữa, bảo trì xe ô tô các loại	4520
11	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Mua bán linh kiện, phụ tùng xe ô tô các loại	4530
12	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Mua bán xe gắn máy	4541

13	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy Chi tiết: Sửa chữa, bảo trì xe gắn máy	4542
14	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Mua bán linh kiện phụ tùng xe gắn máy	4543
15	Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Mua bán nông lâm sản, lương thực (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP.HCM về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP.HCM)	4620
16	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Mua bán thực phẩm, thủy hải sản (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP.HCM về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP.HCM)	4632
17	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Mua bán rượu, bia, nước giải khát các loại	4633
18	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Mua bán hàng điện lạnh, kim khí điện máy các loại và phụ tùng, hàng điện gia dụng, nhạc cụ, đồng hồ, kính đeo mắt các loại và linh kiện, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội), mỹ phẩm, dụng cụ thể dục thể thao	4649
19	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: Mua bán máy vi tính và linh kiện, thiết bị ngoại vi	4651
20	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Mua bán, bảo hành điện thoại các loại, thẻ điện thoại, máy fax và tổng đài điện thoại dung lượng tối đa 32 số	4652
21	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị, phụ tùng	4659
22	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng taxi	4931
23	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

	Chi tiết: Kinh doanh vận chuyển hàng hóa đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	
24	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ làm gia tăng giá trị hàng hóa, sản phẩm. Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính)	8299
25	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng Chi tiết: Dưỡng đường	8710
26	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khu vui chơi giải trí (trừ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng) (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh) (trừ dịch vụ xoa bóp, karaoke)	9329
27	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi Chi tiết: Sửa chữa, bảo trì máy vi tính, linh kiện và thiết bị ngoại vi	9511
28	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: Cầm đồ	6492
29	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh nhà. Cho thuê nhà, xưởng, văn phòng, căn hộ. Kinh doanh bất động sản	6810 (Chính)
30	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn đấu thầu (trừ tư vấn mang tính pháp lý). Môi giới, tư vấn các dịch vụ bất động sản	6820
31	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Lập dự án, dự toán, quy hoạch chi tiết đối với các công trình dân dụng và công nghiệp như nhà, xưởng, kho, bến bãi, kết cấu hạ tầng khu công nghiệp	7110
32	Quảng cáo Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo	7310
33	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê xe ô tô các loại	7710
34	Đại lý du lịch	7911

	Chi tiết: Dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế và nội địa	
35	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Kinh doanh bãi đỗ xe, dịch vụ làm thủ tục hải quan	5229
36	Xây dựng nhà để ở	4101
37	Xây dựng nhà không để ở	4102
38	Bán buôn vải, hàng may mặc giày dép Chi tiết: Mua bán hàng may mặc, giày dép	4641
39	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý phân phối hàng hóa, cung ứng dịch vụ của các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước	4610
40	Đào tạo sơ cấp	8531
41	Đào tạo trung cấp (không hoạt động tại trụ sở)	8532
42	Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở)	8533
43	Giáo dục nhà trẻ	8511
44	Giáo dục mẫu giáo	8512
45	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
46	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
47	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Đại lý bảo hiểm	6622
48	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
49	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp <i>Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu hoặc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên</i>	4711
50	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp <i>Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu hoặc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên</i>	4719

51	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
52	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
53	Dịch vụ đóng gói <i>Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến sản xuất</i>	8292
54	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
55	Dịch vụ ăn uống khác <i>Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thức ăn và đồ uống</i>	5629
56	Dịch vụ phục vụ đồ uống <i>Chi tiết: Dịch vụ cung cấp đồ uống</i>	5630
	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

- 4.1 Công ty được quyền lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
- 4.2 Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu, cổ đông sáng lập

5.1 Vốn điều lệ

- 5.1.1 Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ này là 666.305.640.000 VNĐ (Bằng chữ: Sáu trăm sáu mươi sáu tỷ ba trăm lẻ năm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Số vốn này được chia thành 66.630.564 cổ phần phổ thông với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

- 5.1.2 Việc tăng, giảm Vốn điều lệ của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5.2 Cổ phần

- 5.2.1 Tất cả cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông (kể cả cổ phần bán giá ưu đãi và ưu đãi trả dần cho người lao động trong Công ty khi cổ phần hoá và cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược). Các quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu từng loại cổ phần được quy định tại

Điều 10, 11 của Điều lệ này.

- 5.2.2 Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông mới, phải ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác.

Số cổ phần Cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.

- 5.2.3 Công ty có thể phát hành các loại cổ phần, trái phiếu khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
- 5.2.4 Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi nếu có) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại được coi là cổ phiếu ngân quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

5.3 Cổ phiếu

Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu của Cổ đông đối với một hoặc một số cổ phần của Công ty. Nội dung của cổ phiếu phải bao gồm đầy đủ các chi tiết theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5.4 Cổ đông sáng lập của Công ty

Cổ đông sáng lập của Công ty là những Cổ đông có đủ các điều kiện sau đây:

- 5.4.1. Tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty;
- 5.4.2. Cùng nhau nắm giữ tối thiểu từ 20% tổng số cổ phần phổ thông trong vòng 03 (ba) năm đầu kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- 5.4.3. Sở hữu số cổ phần tối thiểu là 0,3% Vốn điều lệ đầu tiên của Công ty.

Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu

Cổ đông hiện hữu của Công ty hoặc các Cổ đông mới chưa có tài khoản giao dịch chứng khoán (bao gồm tài khoản tiền gửi giao dịch chứng khoán và tài khoản lưu ký chứng khoán) tại các Công ty chứng khoán sẽ được Công ty cấp chứng chỉ cổ phiếu, cụ thể như sau:

- 6.1 Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6.8 của Điều này.
- 6.2 Chứng chỉ cổ phiếu phải bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- 6.2.1 Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- 6.2.2 Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- 6.2.3 Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- 6.2.4 Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức;
- 6.2.5 Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- 6.2.6 Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.
- 6.3 Theo các quy định của Điều lệ này, Cổ đông sở hữu một số cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí một chứng chỉ trong vòng 02 (hai) tháng (hoặc thời hạn lâu hơn theo như điều khoản phát hành quy định) sau khi mua.
- 6.4 Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.
Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:
 - 6.4.1 Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác;
 - 6.4.2 Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
- 6.5 Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.
- 6.6 Cổ đông phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ cổ phiếu và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.
- 6.7 Tất cả các chứng chỉ cổ phiếu, chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành đều có dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự hoặc các trường hợp mà các điều khoản, điều kiện trong phương án phát hành quy định khác).
- 6.8 Công ty có thể phát hành cổ phần không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần

- 7.1 Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Tất cả các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.
- 7.2 Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.
- 7.3 Cổ đông chiến lược khi muốn chuyển nhượng cổ phần thì ngoài việc thực hiện theo các qui định tại Điều lệ này và pháp luật hiện hành còn phải tuân theo các điều khoản đã cam kết khi thực hiện việc mua cổ phần của Công ty.
- 7.4 Sau thời hạn 03 (ba) năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phần phổ thông của Cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.
- 7.5 Trường hợp Cổ đông là cá nhân chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết thì việc giải quyết số cổ phần thuộc sở hữu của cổ đông đó sẽ thực hiện theo quy định pháp luật. Để được ghi nhận quyền sở hữu số cổ phần do cổ đông đã chết/bị tuyên bố đã chết để lại, người được thừa kế có nghĩa vụ phải cung cấp và bảo đảm tính có hiệu lực, tính đúng đắn của các hồ sơ pháp lý liên quan đến quyền thừa kế số cổ phần đó cho Công ty. Công ty không có trách nhiệm giải quyết bất kỳ tranh chấp nào phát sinh giữa những người thừa kế hoặc những tổ chức, cá nhân liên quan đến số cổ phần của cổ đông này.

Điều 8. Thu hồi cổ phần

- 8.1 Trường hợp Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu Cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
- 8.2 Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán đồng thời thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
- 8.3 Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 8.4, Khoản 8.5 và Khoản 8.6 Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
- 8.4 Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
- 8.5 Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi

theo tỷ lệ hợp lý vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

- 8.6 Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ

Điều 9. Cơ cấu tổ chức, quản lý

- 9.1 Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- 9.1.1 Đại hội đồng cổ đông;
- 9.1.2 Hội đồng quản trị;
- 9.1.3 Ban kiểm soát;
- 9.1.4 Tổng giám đốc

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10. Quyền hạn của Cổ đông

- 10.1 Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
- 10.2 Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
- 10.2.1 Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - 10.2.2 Nhận cổ tức;
 - 10.2.3 Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - 10.2.4 Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - 10.2.5 Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - 10.2.6 Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - 10.2.7 Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các Cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;

- 10.2.8 Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình trong trường hợp biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc thỏa thuận giữa các bên trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng;
- 10.2.9 Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
- 10.3 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ tối thiểu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau:
- 10.3.1 Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 23.3 Điều 23 và Khoản 34.2 34.1.1 Điều lệ này;
- 10.3.2 Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
 - c) Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
- 10.3.3 Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- 10.3.4 Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- 10.3.5 Các quyền khác được quy định theo Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Điều 11. Nghĩa vụ của Cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

- 11.1 Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- 11.2 Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông;
- 11.3 Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
- 11.4 Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
- 11.5 Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
- 11.6 Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần và cập nhật thay đổi trong quá trình nắm giữ cổ phần. Trường hợp Cổ đông cung cấp sai địa chỉ thì sẽ phải chịu mọi thiệt hại có từ hoặc liên quan đến việc cung cấp sai địa chỉ;
- 11.7 Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
- 11.8 Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - 11.8.1 Vi phạm pháp luật;
 - 11.8.2 Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - 11.8.3 Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
- 11.9 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ tối thiểu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông được đề cập tại Khoản 10.3 Điều lệ này ngoài nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, còn phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:
 - 11.9.1 Không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - 11.9.2 Có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Đại hội đồng cổ đông

- 12.1 Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có thể gia hạn việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 12.2 Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Địa điểm họp được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm (đã được kiểm toán) và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo.
- 12.3 Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
- 12.3.1 Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - 12.3.2 Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh Vốn điều lệ đã bị mất một nửa;
 - 12.3.3 Khi số thành viên của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát bị giảm quá một phần ba. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm theo tỉ lệ vừa nêu;
 - 12.3.4 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 10.3 Điều 10 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các Cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các Cổ đông có liên quan);
 - 12.3.5 Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp.
 - 12.3.6 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 12.4 Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường
- 12.4.1 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 12.3.3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 12.3.4 và Khoản 12.3.5 của Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
 - 12.4.2 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo

quy định tại Khoản 12.4.1 của Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

12.4.3 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm 12.4.2 của Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Cổ đông, nhóm Cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm 12.3.4 của Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

- 12.4.4 Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 13.1 Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- 13.1.1 Kế hoạch kinh doanh hàng năm;
 - 13.1.2 Báo cáo tài chính hàng năm;
 - 13.1.3 Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - 13.1.4 Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
 - 13.1.5 Định hướng phát triển của Công ty;
 - 13.1.6 Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - 13.1.7 Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
- 13.2 Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
- 13.2.1 Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
 - 13.2.2 Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó.
 - 13.2.3 Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

- 13.2.4 Bầu, miễn nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - 13.2.5 Thông qua tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - 13.2.6 Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh Vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại phương án phát hành tăng vốn được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - 13.2.7 Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của Cổ đông sáng lập trong vòng 03 (ba) năm đầu tiên kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu;
 - 13.2.8 Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - 13.2.9 Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - 13.2.10 Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;
 - 13.2.11 Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - 13.2.12 Công ty mua hoặc mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
 - 13.2.13 Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 4 Điều 32 Điều lệ này với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - 13.2.14 Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; Quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - 13.2.15 Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; Điều chỉnh hoặc bổ sung Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;
 - 13.2.16 Các vấn đề khác theo quy định Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
- 13.3 Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- 13.3.1 Các hợp đồng quy định tại Khoản 13.2.13 khi Cổ đông đó hoặc người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - 13.3.2 Việc mua cổ phần của Cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới Cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao

dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định pháp luật.

- 13.4 Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Các đại diện được ủy quyền

- 14.1 Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Số lượng người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức không bị hạn chế. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là Cổ đông. Trường hợp Cổ đông có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền hoặc người ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

- 14.2 Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

14.2.1 Trường hợp Cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của Cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp.

14.2.2 Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật và đóng dấu của tổ chức đó và của người được ủy quyền dự họp.

14.2.3 Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

- 14.3 Trường hợp Luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho Luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

- 14.4 Trừ trường hợp quy định tại Khoản 14.3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực nếu khi có một trong các trường hợp sau đây:

14.4.1 Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

14.3.2 Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

14.3.3 Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các sự kiện nêu trên chậm nhất 24 (hai mươi bốn) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước giờ khai mạc cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 15. Thay đổi các quyền

- 15.1 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- 15.2 Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 16. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

- 16.1 Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Khoản 12.2 và Khoản 12.3 Điều 12 của Điều lệ này.
- 16.2 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
- 16.2.1 Chuẩn bị danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chuẩn bị chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
- 16.2.2 Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;
- 16.2.3 Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp.
- 16.3 Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- 16.3.1 Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

- 16.3.2 Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- 16.3.3 Phiếu biểu quyết;
- 16.3.4 Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
- 16.4 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại Khoản 10.3 Điều 10 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
- 16.5 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 16.4 Điều này trong các trường hợp sau:
 - 16.5.1 Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.
 - 16.5.2 Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không có đủ tối thiểu từ 05% cổ phần phổ thông.
 - 16.5.3 Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.
- 16.6 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 17.1 Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 17.2 Trong trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 17.1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.
- 17.3 Trường hợp đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 17.2 Điều này, thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- 17.4 Theo đề nghị Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 16.3 Điều 16 của Điều lệ này.

Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

- 18.1 Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- 18.2 Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết số thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó.

Đại hội sẽ bầu ra Ban kiểm phiếu theo đề cử của Chủ tọa với số lượng không quá 03 (ba) thành viên. Sau khi Cổ đông tiến hành biểu quyết, Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành thu phiếu biểu quyết. Việc kiểm phiếu phải lập thành biên bản, có đầy đủ chữ ký của các thành viên trong Ban kiểm phiếu và các thành viên giám sát (nếu có). Các phiếu biểu quyết của cổ đông và Biên bản kiểm phiếu phải được lưu trong tài liệu Đại hội cổ đông đó.

- 18.3 Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này hiệu lực của những biểu quyết đã được tiến hành trước đó đều không bị ảnh hưởng.

- 18.4 Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

18.4.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

18.4.2 Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

18.4.3 Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

- 18.5 Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

- 18.6 Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp Đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy rằng:

- 18.6.1 Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội;
- 18.6.2 Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- 18.6.3 Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày dự định khai mạc Đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội bị trì hoãn trước đó.

- 18.7 Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 18.6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
- 18.8 Chủ tọa của Đại hội hoặc thư ký Đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
- 18.9 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 18.10 Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
 - 18.10.1 Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
 - 18.10.2 Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - 18.10.3 Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội.Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
- 18.11 Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm Đại hội có thể:
 - 18.11.1 Thông báo rằng Đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa Đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của Đại hội”);

18.11.2 Bố trí, tổ chức để những Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội;

Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.

18.12 Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác đi), mọi Cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của Đại hội.

18.13 Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

18.14 Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp

19.1 Trừ trường hợp quy định tại Khoản 19.3 của Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có trên 50% trở lên tổng số phiếu của các Cổ đông có quyền biểu quyết tham dự cuộc họp tán thành.

19.2 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử hoặc do hai ứng cử viên đó hiệp thương đạt được kết quả một người rút lui, trường hợp này phải có xác nhận bằng văn bản của người rút lui gửi Ban kiểm phiếu.

19.3 Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp tán thành.

- 19.4 Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- 20.1 Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào để thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
- 20.2 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình có liên quan đến dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ được Cổ đông đăng ký chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.
- 20.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- 20.3.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
- 20.3.2 Mục đích lấy ý kiến;
- 20.3.3 Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- 20.3.4 Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- 20.3.5 Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- 20.3.6 Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời. Đến thời hạn gửi phiếu phản hồi mà cổ đông chưa có ý kiến gửi về cho Công ty thì được coi phiếu không tham gia biểu quyết;
- 20.3.7 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

- 20.4 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

- 20.5 Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- 20.5.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- 20.5.2 Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- 20.5.3 Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- 20.5.4 Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- 20.5.5 Các quyết định đã được thông qua;
- 20.5.6 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 20.6 Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
- 20.7 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 20.8 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản sẽ được thông qua với tỷ lệ biểu quyết chấp thuận tương tự như khi thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

21.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi hình và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

21.1.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

21.1.2 Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

21.1.3 Chương trình và nội dung cuộc họp;

21.1.4 Họ, tên chủ tọa và thư ký;

21.1.5 Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

21.1.6 Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

21.1.7 Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

21.1.8 Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

21.1.9 Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

21.2 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

21.3 Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

21.4 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

21.5 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 22. Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- 22.1 Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
- 22.2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
- 22.3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
- 22.4 Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông thì Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 10.3 Điều 10 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- 22.4.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 19.4 Điều 19 của Điều lệ này;
- 22.4. 2 Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

- 23.1 Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 05 (năm) đến 11 (mười một) người, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và tương ứng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị được bầu thay thế, bổ sung giữa nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị này là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị Công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

- 23.2 Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải là người có đủ các điều kiện sau:

- 23.2.1 Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
- 23.2.2 Là Cổ đông cá nhân sở hữu tối thiểu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty; hoặc là cá nhân có trình độ chuyên môn, khả năng, kinh nghiệm quản lý kinh doanh trong lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty; hoặc được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ tối thiểu từ 05% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên đề cử.
- 23.3 Quyền ứng cử và đề cử thành viên Hội đồng quản trị
- 23.3.1 Cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu tối thiểu từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được quyền ứng cử hoặc đề cử thành viên Hội đồng quản trị.
- Cổ đông sở hữu dưới 05% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số biểu quyết lại với nhau để đủ điều kiện đề cử thành viên Hội đồng quản trị.
- 23.3.2 Số lượng ứng cử viên mà Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có quyền đề cử thực hiện như sau:
- a) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;
 - b) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;
 - c) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;
 - d) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;
 - đ) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên;
 - e) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên;
 - g) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên;
 - h) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử tối đa mười một ứng cử viên.
- 23.3.3 Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực,

chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.

23.4 Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

23.5 Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- 23.5.1 Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 23 của Điều lệ và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- 23.5.2 Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;
- 23.5.3 Thành viên đó bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn hoặc bị hạn chế năng lực hành vi;
- 23.5.4 Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- 23.5.5 Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- 23.5.6 Thành viên là đại diện của một tổ chức bị thay thế hoặc mất quyền đại diện cho tổ chức đó.
- 23.5.7 Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.

- 23.5.8 Các trường hợp thành viên Hội đồng quản trị độc lập không còn đáp ứng tiêu chuẩn về tính độc lập.
- 23.6 Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật.
- 23.7 Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 24. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

- 24.1 Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
- 24.2 Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát hoạt động điều hành của Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý khác.
- 24.3 Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
- 24.3.1 Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- 24.3.2 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- 24.3.3 Quyết định cơ cấu tổ chức điều hành, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- 24.3.4 Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại Cán bộ quản lý đó;
- 24.3.5 Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- 24.3.6 Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- 24.3.7 Quyết định giá bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- 24.3.8 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc miễn nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị miễn nhiệm (nếu có);

- 24.3.9 Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- 24.3.10 Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cho Đại hội đồng cổ đông;
- 24.3.11 Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
- 24.3.12 Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
- 24.4 Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
 - 24.4.1 Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - 24.4.2 Thành lập các công ty con của Công ty;
 - 24.4.3 Chỉ định và miễn nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - 24.4.4 Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, cầm cố, bảo lãnh, bảo đảm cho nghĩa vụ của Công ty hoặc bên thứ ba và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm 13.2.11 Khoản 2 Điều 13, Khoản 4 Điều 32 của Điều lệ này;
 - 24.4.5 Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty có giá trị vượt quá 10% ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - 24.4.6 Việc mua hoặc bán cổ phần của các danh mục đầu tư dài hạn từ 01 (một) năm trở lên bao gồm những công ty được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - 24.4.7 Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - 24.4.8 Việc định giá các tài sản của Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc góp vốn vào các công ty khác, bao gồm cổ phiếu, trái phiếu, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - 24.4.9 Việc Công ty mua lại hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần do Công ty phát hành;
 - 24.4.10 Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - 24.4.11 Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
- 24.5 Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc, các Cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc đề cử đại diện phần vốn góp của Công ty tại

các công ty khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

- 24.6 Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo Nghị quyết Hội đồng quản trị.
- 24.7 Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
- 24.8 Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- 24.9 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- 24.10 Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 (một) năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.

Điều 25. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 25.1 Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và có thể bầu thêm Phó Chủ tịch nếu xét thấy cần thiết. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

- 25.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên nếu Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị phải chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
- 25.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- 25.3.1 Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - 25.3.2 Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - 25.3.3 Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - 25.3.4 Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - 25.3.5 Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - 25.3.6 Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- 25.4 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người khác trong số các thành viên Hội đồng quản trị để thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 26. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

- 26.1 Trường hợp Hội đồng quản trị họp phiên đầu tiên của nhiệm kỳ để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên Hội đồng quản trị sẽ bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 26.2 Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 03 (ba) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

- 26.3 Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
- 26.3.1 Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) cán bộ quản lý;
 - 26.3.2 Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;
 - 26.3.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - 26.3.4 Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
- 26.4 Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 26.3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 26.3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 26.5 Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
- 26.6 Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
- 26.7 Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 03 (ba) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.
- Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
- 26.8 Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế. Trong trường hợp này người đại diện thay thế phải là thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại

trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

26.9 Biểu quyết:

26.9.1 Trừ quy định tại Khoản 26.9.2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

26.9.2 Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

26.9.3 Theo quy định tại Khoản 26.9.4 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của một thành viên mà các thành viên này không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của mình thì những vấn đề này sẽ được chuyển tới Chủ tọa cuộc họp và phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

26.9.4 Thành viên Hội đồng quản trị được xem là có lợi ích đáng kể từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 32.4.1 và Khoản 32.4.2 Điều 32 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

26.10 Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

26.11 Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

26.12 Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về quyết định của Hội đồng quản trị bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch hoặc nếu không gửi được cho

Chủ tịch thì gửi cho Thư ký Công ty chậm nhất 01 (một) giờ trước thời gian dự kiến họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

- 26.13 Họp trên điện thoại hoặc trực tuyến hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

26.13.1 Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

26.13.2 Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc trực tuyến hoặc các hình thức khác. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại hoặc nếu không có một nhóm như vậy là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại hoặc trực tuyến hoặc các hình thức khác được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

- 26.14 Ngoài các thể thức họp trực tiếp, họp trên điện thoại, trực tuyến, các hình thức khác hay nghị quyết bằng văn bản, Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua quyết định của Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định sau đây:

26.14.1 Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua quyết định của Hội đồng quản trị bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

26.14.2 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến và các tài liệu có liên quan. Phiếu lấy ý kiến kèm theo tài liệu có liên quan phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ được thành viên Hội đồng quản trị đăng ký.

26.14.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- Họ, tên và chức danh của thành viên Hội đồng quản trị;
- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và ý kiến khác;
- Thời hạn phải trả lời;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

26.14.4 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị.

26.14.5 Trường hợp Hội đồng quản trị cần thông qua những quyết định gấp vì lợi ích của Công ty, nếu thành viên Hội đồng quản trị ở xa không thể trực tiếp ký vào phiếu lấy ý kiến, Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến thông qua hình thức gửi fax hoặc email hoặc tin nhắn điện thoại (đã đăng ký chính thức với Hội đồng quản trị). Thành viên Hội đồng quản trị có thể phản hồi ý kiến qua đường fax hoặc email hoặc tin nhắn điện thoại, bản chính phiếu lấy ý kiến với chữ ký chính thức sẽ được gửi lại sau đó.

26.14.6 Hội đồng quản trị phân công tổ kiểm phiếu để tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát theo phân công của Ban kiểm soát.

26.14.7 Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c) Số thành viên Hội đồng quản trị, số phiếu lấy ý kiến, tổng số phiếu tán thành, không tán thành và ý kiến khác đối với từng vấn đề;
- d) Các quyết định đã được thông qua;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, tổ kiểm phiếu và của đại diện Ban kiểm soát.

Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên tổ kiểm phiếu và đại diện Ban kiểm soát phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

26.14.8 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

26.14.9 Quyết định của Hội đồng quản trị theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản sẽ được thông qua khi có ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết về nghị quyết (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

26.15 Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

26.15.1 Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;

26.15.2 Số lượng thành viên biểu quyết không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

26.16 Biên bản họp Hội đồng quản trị:

26.16.1 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi hình và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Công ty;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các vấn đề đã được thông qua;
- k) Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và h Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với các doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

26.16.2 Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

26.16.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản

trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt.

- 26.17 Những người được mời họp dự thính: Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, các Cán bộ quản lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết.
- 26.18 Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc bao gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều người khác ở ngoài Hội đồng quản trị nếu cho là phù hợp. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, mọi tiểu ban đều phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra tùy từng thời điểm. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng:
- 26.18.1 Số lượng thành viên bên ngoài kết nạp thêm phải ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban;
- 26.18.2 Nghị quyết của tiểu ban đó sẽ không có hiệu lực nếu đa số thành viên có mặt tại cuộc họp thông qua nghị quyết đó không phải là thành viên Hội đồng quản trị.
- 26.19 Giá trị pháp lý của hành động: Mọi hành động được thực hiện theo nghị quyết của Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý mặc dù quá trình bầu thành viên của Hội đồng quản trị có thể có những sai sót.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 27. Tổ chức bộ máy quản lý

- 27.1 Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị.
- 27.2 Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 28. Cán bộ quản lý

- 28.1 Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại Cán bộ quản lý cần thiết, phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty.
- 28.2 Hội đồng quản trị sẽ quyết định mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác

trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các Cán bộ quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

Điều 29. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, trách nhiệm và quyền hạn của Tổng giám đốc

- 29.1 **Bổ nhiệm:** Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.
- 29.2 **Tiêu chuẩn:** Tổng giám đốc phải là người có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.
- 29.3 **Nhiệm kỳ:** Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 (năm) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.
- 29.4 **Quyền hạn và trách nhiệm:** Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
- 29.4.1 Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- 29.4.2 Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- 29.4.3 Kiến nghị số lượng và các loại Cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị thông qua, nhằm thực hiện các thông lệ quản lý tốt nhất cũng như các cơ cấu quản lý thích hợp; Đồng thời quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Cán bộ quản lý trong khuôn khổ được Hội đồng quản trị chấp thuận;
- 29.4.4 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các Cán bộ quản lý khác, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- 29.4.5 Quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- 29.4.6 Báo cáo Hội đồng quản trị tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;
- 29.4.7 Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- 29.4.8 Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình

để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

29.4.9 Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật;

29.4.10 Kiến nghị, từ chối thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ, trái với nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và có trách nhiệm thông báo ngay cho Ban kiểm soát;

29.4.11 Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong các trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hỏa hoạn... và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời thông báo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đi vắng thì phải báo ngay trong thời hạn sớm nhất có thể.

29.5 **Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các Cổ đông:** Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

29.6 **Miễn nhiệm:** Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi có từ 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc) và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm có quyền phản đối việc miễn nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty

30.1 Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một hoặc nhiều người phụ trách quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

30.2 Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

30.3 Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

30.3.1 Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

30.3.2 Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

30.3.3 Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

30.3.4 Tham dự các cuộc họp;

30.3.5 Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

- 30.3.6 Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- 30.3.7 Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- 30.3.8 Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- 30.3.9 Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

CHƯƠNG IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 31. Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các Cán bộ quản lý được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 32. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

- 32.1 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
- 32.2 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
- 32.3 Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, các Cán bộ quản lý khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hoặc tổ chức có liên quan là các công ty trong cùng hệ thống của Công ty.
- 32.4 Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Cán bộ quản lý; Cổ đông, người đại diện ủy quyền của Cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty hoặc những người liên quan đến những người nêu trên hoặc bất kỳ công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức nào khác mà ở đó những người nêu trên, hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc

vì những người nêu trên có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc chỉ vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:

- 32.4.1 Đối với hợp đồng có giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của những người nêu trên đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;
 - 32.4.2 Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của những người nêu trên đã được công bố cho các Cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những Cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này.
- 32.5 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc công ty con của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ đông khác lại không biết những thông tin này.
- 32.6 Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 32.4 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 33. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

- 33.1 Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Cán bộ quản lý thực hiện nghĩa vụ của mình một cách không trung thực, thiếu sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- 33.2 Bồi thường:
- 33.2.1 Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó (i) đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Cán bộ quản lý, nhân viên; hoặc là (ii) đại diện được Công ty (hay

công ty con của Công ty) ủy quyền; hoặc (iii) người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Cán bộ quản lý, nhân viên đại diện được ủy quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác;

- 33.2.2 Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả chi phí thuê Luật sư) chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép, với điều kiện là (i) người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ pháp luật; và (ii) không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

- 33.3 Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty:

Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác trong các trường hợp sau đây:

- 33.3.1 Vi phạm nghĩa vụ người quản lý công ty theo quy định tại Điểm 5 Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty;
- 33.3.2 Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- 33.3.3 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- 33.3.4 Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- 33.3.5 Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- 33.3.6 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp Cổ đông, nhóm Cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty sẽ tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Thành viên Ban kiểm soát

34.1 Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 (năm) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

34.1.1 Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty;
- d) Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- e) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- f) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền kề trước đó.

34.1.2 Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

34.2 Quyền ứng cử và đề cử thành viên Ban kiểm soát

34.2.1 Cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu tối thiểu từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền ứng cử hoặc đề cử thành viên Ban kiểm soát.

Cổ đông sở hữu dưới 05% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số biểu quyết lại với nhau để đủ điều kiện đề cử thành viên Ban kiểm soát.

34.2.2 Số lượng ứng cử viên mà Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có quyền đề cử thực hiện như sau:

- a) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;
- b) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;
- c) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;
- d) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;
- e) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử tối đa năm ứng cử viên.

34.2.3 Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế Công ty quy định. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

34.3 Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

34.4 Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

- 34.4.1 Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
- 34.4.2 Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận;
- 34.4.3 Thành viên bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn hoặc bị hạn chế năng lực hành vi;
- 34.4.4 Thành viên đó vắng mặt không tham dự 02 (hai) cuộc họp liên tiếp của Ban kiểm soát hoặc không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát trong vòng 06 (sáu) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- 34.4.5 Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- 34.4.6 Thành viên là đại diện của một pháp nhân bị thay thế hoặc mất quyền đại diện cho pháp nhân đó.
- 34.4.7 Thành viên đó không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điểm 34.1.1 Khoản 34.1 Điều này.
- 34.5 Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát:
- 34.5.1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
- 34.5.2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
- 34.5.3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- 34.5.4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- 34.5.5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Điểm 34.5.1, 34.5.2, 34.5.3 và 34.5.4 Khoản 34.5 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho Công ty.
- 34.5.6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

- 35.1 Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau đây:
- 35.1.1 Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; Quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- 35.1.2 Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- 35.1.3 Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.
- 35.1.4 Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

- 35.1.5 Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 35.1.6 Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 35.1.7 Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Chứng khoán.
- 35.1.8 Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
- 35.1.9 Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 35.1.10 Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 35.1.11 Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 35.1.12 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- 35.2 Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
- 35.3 Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu 02 (hai) lần mỗi năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là 2/3 (hai phần ba) thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm.

- 35.4 Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 36. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

- 36.1 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ tối thiểu từ 05% cổ phần có quyền biểu quyết có quyền trực tiếp hoặc qua Luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra về danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía Luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của Cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
- 36.2 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách, hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- 36.3 Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
- 36.4 Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ Công ty miễn phí. Điều lệ này phải được công bố trên website của Công ty.

CHƯƠNG XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 37. Công nhân viên và các tổ chức Đảng, đoàn thể

Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với Cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức Đảng, đoàn thể được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 38. Cổ tức

- 38.1 Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất một cách trung thực sau khi đã tham khảo ý kiến Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
- 38.2 Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức và thực hiện chi trả cổ tức theo quy định pháp luật hiện hành.
- 38.3 Công ty không trả lãi cho bất cứ một khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- 38.4 Đại hội đồng cổ đông, theo đề xuất của Hội đồng quản trị sẽ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
- 38.5 Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông) thì Cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của Cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp mà Cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho Cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty Chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

- 38.6 Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
- 38.7 Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể (ngày khóa sổ) làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khóa sổ này có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm trước khi việc nhận các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

CHƯƠNG XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 39. Tài khoản ngân hàng

- 39.1 Công ty sẽ mở tài khoản tại một hoặc nhiều ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
- 39.2 Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật, nếu cần thiết.
- 39.3 Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 40. Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ

Hàng năm, Công ty có thể trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản nộp vào quỹ dự trữ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 05% lợi nhuận sau thuế của Công ty và chỉ được tiếp tục trích nộp tới một giới hạn tích lũy bằng 10% Vốn điều lệ Công ty.

Điều 41. Năm tài chính

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

Điều 42. Hệ thống kế toán

- 42.1 Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

42.2 Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

42.3 Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 43. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

43.1 Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 45 của Điều lệ này trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính. Công ty phải nộp báo cáo tài chính hàng năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

43.2 Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

43.3 Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.

43.4 Báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

43.5 Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

43.6 Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 44. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

44.1 Các báo cáo tài chính và các tài liệu khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật chứng khoán.

44.2 Công ty phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

44.3 Công ty phải có ít nhất một nhân viên công bố thông tin. Nhân viên công bố thông tin của Công ty có trách nhiệm sau:

44.3.1 Công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

44.3.2. Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.

CHƯƠNG XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 45. Kiểm toán

45.1 Tại cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể lựa chọn một hoặc danh sách các công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết sẽ được chỉ định để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông có thể ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện và quyết định việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

45.2 Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

45.3 Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 03 (ba) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

45.4 Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

45.5 Trong trường hợp được Hội đồng quản trị mời, Kiểm toán viên sẽ được phép tham dự Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVI. CON DẤU

Điều 46. Con dấu

46.1 Hội đồng quản trị sẽ thông qua hình thức và số lượng con dấu chính thức của Công ty và Hội đồng quản trị có thể quyết định nội dung của con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.

46.2 Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 47. Chấm dứt hoạt động

- 47.1 Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
- 47.1.1 Khi kết thúc Thời hạn hoạt động của Công ty;
 - 47.1.2 Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - 47.1.3 Giải thể trước Thời hạn hoạt động theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - 47.1.4 Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
- 47.2 Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định và Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 48. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ đông

Các Cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu giải thể Công ty theo một hay một số các căn cứ sau:

- 48.1 Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
- 48.2 Các Cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
- 48.3 Có sự bất đồng trong nội bộ và 02 (hai) hoặc nhiều phe cánh Cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể Cổ đông.

Điều 49. Thanh lý

- 49.1. Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên, 02 (hai) thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
- 49.2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
- 49.3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- 49.3.1 Các chi phí thanh lý.
- 49.3.2 Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên.
- 49.3.3 Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước.
- 49.3.4 Các khoản vay (nếu có).
- 49.3.5 Các khoản nợ khác của Công ty.
- 49.3.6 Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ theo Điều này sẽ được phân chia cho các Cổ đông. Cổ đông phổ thông sẽ được chia phần sau khi các cổ phần ưu đãi được thanh toán.

CHƯƠNG XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ

50.1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

50.1.1 Cổ đông hay các Cổ đông với Công ty;

50.1.2 Cổ đông hay các Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay Cán bộ quản lý.

Thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

50.2. Nếu không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án giải quyết.

50.3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 51. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

51.1. Mọi sự bổ sung hay sửa đổi Điều lệ này phải được lập dưới hình thức một dự thảo để Đại hội đồng cổ đông thông qua, ngoại trừ trường hợp điều chỉnh Vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán qui định tại phương án phát hành tăng vốn được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- 51.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động Công ty.
- 51.3. Điều lệ được sửa đổi, bổ sung phải có họ, tên và chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

CHƯƠNG XX. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 52. Ngày hiệu lực

- 52.1. Bản Điều lệ này gồm XX Chương 52 Điều, được thông qua lần đầu hợp lệ tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2004 tổ chức vào ngày 08 tháng 10 năm 2004, được sửa đổi lần thứ 14 ngày 06 tháng 06 năm 2025.
- 52.2. Điều lệ được lập thành 03 (ba) bản, có giá trị như nhau.
- 52.3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
- 52.4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc mới có giá trị./.



Nguyễn Hải Hà



Ngô Đức Vũ